

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/02/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTCl+CLO+RC4	7:25	3+5+14	0+0+0		0+0+17	0+0+0	BENH NHAN RC4
2		TD1+BK4+BK5	7:25	20+0+2	0+0+0		15+0+0	0+0+0	Chuyen 1 BK4- BK5
3		CTCl+RP2+CLO	9:25	11+3+8	0+0		0+0+10	0+0	
4		TTC2+TD1+GTCl	9:25	4+16+2	0+0+0		0+9+0	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2021	TO: TTC1 - CLO - RC4	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - KHOAN -	ETA: 09:10
XANH-1		QTrưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN ĐỨC	TTC1	37	1	10	60	80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	TTC1	38-39	2	14		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUỐC TRI	TTC1	36	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
4	VU CHI CÔNG	TTC1	35	1	10		51	KH-THAC	Vietnamese
5	LE MINH MINH	CLO	88	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	KIRICHENKO K.P	CLO	81	1	5	20	80	KHOAN	Russian
7	NGUYEN VĂN TRUNG	CLO				35	80	KHOAN	Vietnamese
8	VU THE NANG	CLO	74	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TUONG LONG	CLO	80	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG KIM DƯƠNG	CLO	73	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN LY	CLO	69	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
12	VU VAN LONG	CLO	72	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
13	HA QUỐC DUNG*PK-PVD	CLO	71	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN ĐÔNG	CLO	75	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM NAM HAI	CLO	70	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM THANH TUNG	CLO	76	1	14		98	KHOAN	Vietnamese
17	TRƯƠNG ĐÌNH VỊNH	CLO	83	1	8		80	DVL	Vietnamese
18	LÊ VĂN BAO	CLO	77	1	12		59	DVL	Vietnamese
19	PHAN THANH TỊNH	CLO	78-79	2	20		65	DVL	Vietnamese
20	LE VAN HUNG	CLO	84	1	3		65	PSV	Vietnamese
21	DOAN VAN THANH	RC4	28-29	2	20		59	XAY LAP	Vietnamese
22	TRAN NGOC BA	RC4	27	1	4		78	Y TE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

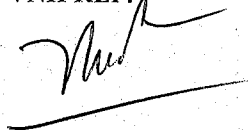
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	4	5	42	265	60	0		
2	CLO	16	16	103	1.165	55	17		
3	RC4	2	3	24	137	0	2		
TOTAL		22	24	169	1.567	115	19		
WEIGHT KG				169	1.567	115			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

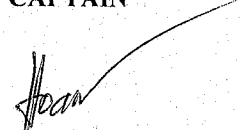
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD1 - BK4 - BK5	CREW: Hạnh - CHIẾN - Toàn	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	82	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD1	78	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG VĂN NAM	TD1	70	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	87	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LĂNG	TD1					80	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ QUỐC BẢO	TD1	71	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÌNH VĂN TRỌNG	TD1					78	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÌNH XUÂN HÒA	TD1	86	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	HOÀNG ANH TUẤN	TD1	81	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ TOÀN THẮNG-PVD	TD1	73	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	75	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
12	HOÀNG NGỌC QUÂN-PVD	TD1	84-85	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ NGỌC LUÂN	TD1	69	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	88	1	5	60	71	KHOAN	Vietnamese
15	BUI VĂN LUÂN	TD1	72	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	76-77	2	13		63	KHOAN	Vietnamese
17	DƯƠNG THANH TÙNG	TD1	79	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
18	PHAN THANH TÀI	TD1	80	1	5		60	DVL	Vietnamese
19	TRẦN ANH VINH	TD1	83	1	5		60	DVL	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG CHIẾN	TD1	74	1	5		80	DVL	Vietnamese
21	NGÔ KIM LAM	BK5	53-54	2	17		70	CODIEN	Vietnamese
22	LÊ NGỌC HIỆP	BK5	50-52	3	16	20	80	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	20	20	110	1.420	60	15		CHUYỂN 01 PAX TỪ BK4 SANG BK5
2	BK4	0	0	0	0	40	0		
3	BK5	2	5	33	150	20	0		
TOTAL		22	25	143	1.570	120	15		
WEIGHT KG				143	1.570	120			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2021	TO: CTC1 - RP2 - CLO	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - KHOAN -	ETA: 11:20
XANH-2		QTrưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRỌNG DỪNG	CTC1	48	1	6	60	58	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐỖ CÔNG PHONG	CTC1	47	1	8		68	XAYLAP	Vietnamese
3	DUONGVAN TUYEN	CTC1	56	1	14		91	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DIEN	CTC1	50	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
5	VI THAI	CTC1	53	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN CÔNG THANH	CTC1	52	1	15		79	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC LỢI	CTC1	54-55	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM VĂN KHUYNH	CTC1	51	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐÀO ĐÌNH CƯỜNG	CTC1	46	1	18		83	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN ANH KIẾT	CTC1	57-58	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VĂN LỘC	CTC1	49	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ DANG TAM	RP2	44	1	7		70	DHANH	Vietnamese
13	TÔNG CANH SƠN	RP2	45	1	7		58	NIPI	Vietnamese
14	DOAN TIEN LU	RP2	46	1	9		67	NIPI	Vietnamese
15	NGUYEN VĂN TUÂN	CLO	41	1	4	40	75	PSV	Vietnamese
16	LÊ HỮU LONG	CLO	45	1	4		60	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN THÂM	CLO	85	1	5		58	PSV	Vietnamese
18	LƯU VĂN TRỌNG	CLO	43	1	3		60	PSV	Vietnamese
19	HOANG HỮU THO	CLO	42	1	3		75	PSV	Vietnamese
20	PHAN MINH TUÂN	CLO	46	1	5		73	PSV	Vietnamese
21	PHẠM MINH ĐỨC	CLO	44	1	4		85	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VĂN CƯỜNG	CLO	40	1	7		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

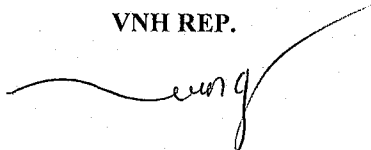
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	11	13	154	776	60	0		
2	RP2	3	3	23	195	0	0		
3	CLO	8	8	35	542	40	10		
TOTAL		22	24	212	1.513	100	10		
WEIGHT KG				212	1.513	100			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

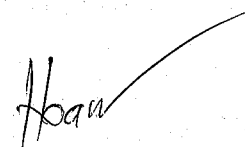
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	TO: TTC2 - TD1 - GTC1	CREW: Hạnh - CHIẾN - Toan	ETA: 11:25
TRANG - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAI ANH TUAN	TTC2	07-08	2	15	46	99	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN NGHI	TTC2	09	1	14	40	66	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN NAM THANG	TTC2	10	1	6		107	KH-THAC	Vietnamese
4	LE THANH BINH	TTC2	06	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
5	LUONG MANH HAI	TD1	35	1	16		71	DVL	Vietnamese
6	PHAM XUAN HUNG	TD1	42	1	10		70	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC NINH	TD1	34	1	12		75	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN HUY HIEU	TD1	38	1	12	20	78	XAYLAP	Vietnamese
9	LA TUAN LINH	TD1	40-41	2	12		71	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN LINH	TD1	68	1	4		80	NIPI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN SON	TD1	46-47	2	19		74	YTE	Vietnamese
12	LE VAN NGOC	TD1	48	1	3		73	PSV	Vietnamese
13	VU VAN PHUC	TD1	36	1	5		55	PSV	Vietnamese
14	TRAN VIET CHUNG	TD1	39	1	4		55	PSV	Vietnamese
15	TRIEU MINH HONG	TD1	37	1	2		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TAT LOC	TD1	44	1	5		58	PSV	Vietnamese
17	DAU DUC HUNG	TD1	49	1	5		71	PSV	Vietnamese
18	VU XUAN TIEN	TD1	50	1	10		70	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THANH CONG	TD1	43	1	3		69	PSV	Vietnamese
20	DAU VIET BAC	TD1	45	1	2		80	PSV	Vietnamese
21	DO DUC ANH	GTC1	39-40	2	20	40	73	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC QUAN	GTC1	41-42	2	16	12	75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	5	41	339	86	0		
2	TD1	16	18	124	1,120	20	9		
3	GTC1	2	4	36	148	52	0		
TOTAL		22	27	201	1.607	158	9		
WEIGHT KG				201	1.607	158			

GRAND TOAL: 1.966 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN